

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-05-2019
V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Ông Phan Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2011/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2011 về tranh chấp “ ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Tạ Xí M** (*Tạ Thị M*), sinh năm 1987 (*vắng mặt, có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp 10 Ch, xã Đ H, huyện A M, tỉnh K G.

* Bị đơn: Anh **Phạm Quốc Ch**, sinh năm 1984 (*vắng mặt, có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp M G, xã Vân Kh Đ, huyện A M, tỉnh K G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 14/03/2011, biên bản hòa giải ngày 10/5/2011, biên bản hòa giải ngày 03/04/2019 nguyên đơn chị **Tạ Xí M** (*Tạ Thị M*) trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Ch chung sống với nhau năm 2001, từ khi chung sống với nhau cho đến nay anh chị không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống thật sự hạnh

phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vì vậy anh chị ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay.

Về con: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Phạm Như Ng, sinh ngày 11/4/2004, hiện nay anh Ch đang nuôi dưỡng.

Về tài sản: Vợ chồng có 01 phần đất tọa lạc tại ấp Xẻo Đồi, xã Đông Hưng A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, chị và anh Ch sẽ tự thương lượng giải quyết với nhau.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Phạm Quốc Ch;
2. Về quan hệ nuôi con chung: Chị tự nguyện giao con Phạm Như Ng cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.
3. Về quan hệ tài sản chung: Chị và anh Ch sẽ tự thương lượng với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong cùng vụ án này.
4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản hòa giải ngày 10/5/2011, ngày 03/04/2019 bị đơn anh Phạm Quốc Ch trình bày:*

Về thời gian anh và chị Tạ Xí M (Tạ Thị M) chung sống với nhau, từ khi chung sống với nhau cho đến nay anh chị không đăng ký kết hôn; vợ chồng có 01 đứa con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của con; tài sản thì vợ chồng sẽ tự thương lượng với nhau; vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác là đúng theo lời trình bày của chị M.

Nay theo yêu cầu của M, anh có ý kiến như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với Tạ Xí M.
2. Về quan hệ nuôi con chung: Đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con Phạm Như Ng, sinh ngày 11/4/2004, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.
3. Về quan hệ tài sản chung: Anh và chị M sẽ tự thương lượng với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong cùng vụ án này.
4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa:* Nguyên đơn chị Tạ Xí M và bị đơn anh Phạm Quốc Ch vắng mặt nên không có lời trình bày.

* Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị M và anh Ch là vợ chồng, công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh Ch, giao con chung cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng, chị M không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải chị M và anh Ch không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, ngày 06 tháng 11 năm 2018 chị M nộp đơn rút yêu cầu chia tài sản nên Tòa án xét thấy không cần thiết phải đưa ông Phạm Văn H, bà Trần Thị M (Cha và Mẹ anh Ch) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, sau đó Tòa án tiến hành hòa giải lại thì chị M và anh Ch thuận tình ly hôn, nhưng chị M và anh Ch không đăng ký kết hôn, nên Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi đó chị M và anh Ch nộp đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Tạ Xí M và bị đơn anh Phạm Quốc Ch theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Ch chung sống với nhau vào năm 2001, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*UBND xã nơi một trong hai người cư trú*). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực ngày 01/01/2001). Đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (*có hiệu lực ngày 01/01/2015*) anh chị vẫn không đăng ký kết hôn, nên thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng*”, và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”. Do đó, nay chị M có yêu cầu ly hôn với anh Ch, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận chị M và anh Ch là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị M và anh Ch xác định, anh chị có một người con chung tên Phạm Như Ng, sinh ngày 11/4/2004, hiện nay anh Ch đang nuôi dưỡng. Chị M và anh Ch thỏa thuận, anh Ch được tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Như Ng, sinh ngày 11/4/2004. Việc thỏa thuận của chị M và anh Ch là phù hợp với lời trình nguyện vọng của con chung tên Phạm Như Ng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ch không yêu cầu, chị M không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh Ch có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Mặt khác từ khi chị M và anh Ch ly thân (năm 2008) đến nay anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không buộc chị M cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản: Chị M và anh Ch xác định, không tranh chấp, chị M đã rút yêu cầu chia tài sản chung, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị M đối với anh Ch.

[6] Về nợ chung: Chị M và anh Ch xác định, anh chị không nợ ai và cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Tạ Xí M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí tố tụng: Chị Tạ Xí M chịu lệ phí đo vẽ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 228 ; Điều 235 và Điều 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tạ Xí M (Tạ Thị M) và anh Phạm Quốc Ch.

- *Về quan hệ con chung:* Anh Phạm Quốc Ch được tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Như Ng, sinh ngày 11/4/2004.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Tạ Xí M không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản:* Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Tạ Xí M đối với anh Phạm Quốc Ch.

- *Về nợ chung:* Chị Tạ Xí M và anh Phạm Quốc Ch xác định, anh chị không nợ ai và cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Tạ Xí M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn 200.000 đồng, được trừ vào số tiền 5.143.520 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị M đã nộp, theo biên lai thu số 03868 ngày 04/04/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị M được nhận lại 4.943.520 đồng.

- *Về chi phí tố tụng:* Chị Tạ Xí M chịu lệ phí đo vẽ là 725.000 đồng (chị M đã nộp xong).

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn chị Tạ Xí M và bị đơn anh Phạm Quốc Ch. Báo cho chị M, anh Ch biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Vân Khánh Đông, xã Đông Hưng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới